

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN

TRUNG ƯƠNG
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
HOẠT ĐỘNG PHÓNG SINH
CÁC GIỐNG LOÀI THỦY SẢN



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
1. Mục đích, yêu cầu	7
2. Đối tượng, phạm vi áp dụng	7
3. Hoạt động phóng sinh	7
3.1. Phóng sinh	7
3.2. Những vấn đề tồn tại trong hoạt động phóng sinh hiện nay	7
3.3. Phóng sinh đúng cách theo quan điểm Phật giáo và tái tạo nguồn lợi thủy sản trong tự nhiên	9
4. Những lưu ý khi phóng sinh các loài thủy sản	10
4.1. Loài thả phóng sinh	10
4.1.1. Loài thủy sản không được thả phóng sinh	10
4.1.2. Loài thủy sản không nên thả phóng sinh	13
4.1.3. Loài thủy sản thả phóng sinh góp phần phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản	13
4.2. Thời gian, địa điểm thả phóng sinh	14
4.2.1. Thời gian phóng sinh	14
4.2.2. Địa điểm phóng sinh	14
4.3. Số lượng, nguồn gốc chất lượng các loài thủy sản	15
4.3.1. Số lượng loài thủy sản thả phóng sinh	15
4.3.2. Nguồn gốc, chất lượng loài thủy sản	15
4.4. Cách vận chuyển các loài thủy sản	16
4.4.1. Vận chuyển cá	16
4.4.2. Vận chuyển tôm	18
4.4.3. Vận chuyển các loài trai, ốc	19
4.5. Nghi thức phóng sinh	19
4.6. Cách thả phóng sinh	19
4.7. An toàn giao thông đường thủy trong hoạt động phóng sinh	20
5. Vai trò của các đơn vị liên quan trong hoạt động phóng sinh	21
5.1. Vai trò của cơ quan quản lý thủy sản địa phương	21
5.2. Vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các tăng ni phật tử	21
5.2.1. Vai trò của Giáo hội Phật giáo	21
5.2.2. Vai trò của tăng ni, phật tử	21

PHỤ LỤC 1.	
Tác hại của một số loài thủy sản không được thả phóng sinh	22
PHỤ LỤC 2.	
Danh mục một số loài thủy sản thả tái tạo nguồn lợi thủy sản	29
PHỤ LỤC 3.	
Danh sách các cơ quan quản lý thủy sản ở địa phương	32

MỞ ĐẦU

Hoạt động phóng sinh các loài thủy sản được các tăng ni, phật tử và người dân Việt Nam thực hiện từ bao đời nay như hoạt động thả cá chép ngày Ông Công, Ông Táo; thả cá nhân các ngày lễ Vu Lan, Phật Đản. Những năm gần đây, hoạt động phóng sinh các loài thủy sản diễn ra thường xuyên với số lượng và quy mô phóng sinh rất lớn, điều này góp phần bổ sung nguồn lợi thủy sản vào các thủy vực tự nhiên, tái tạo lại quần đàn các loài thủy sản bị khai thác cạn kiệt. Tuy nhiên, hoạt động này cũng nảy sinh nhiều bất cập như: phóng sinh các loài thủy sản ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại vào môi trường tự nhiên như rùa tai đỏ, ốc bươu vàng... lấn át nơi sinh sống của các loài bản địa; việc chọn địa điểm, cách vận chuyển và thả các loài thủy sản không phù hợp làm giảm sức sống của loài được thả...

Để hoạt động phóng sinh thực sự có ý nghĩa về mặt công đức cũng như hiệu quả trong công tác tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái trong phạm vi toàn quốc, ngày 04/01/2017, Tổng cục Thủy sản và Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực phóng sinh, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Mục đích của hoạt động hợp tác này là nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các tăng ni, phật tử và người dân về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn, giảm thiểu sự phát tán những loài thủy sản ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại ra môi trường; thả phóng sinh những giống thủy sản hữu ích cho môi trường sinh thái và đời sống xã hội.



Theo kế hoạch hợp tác giữa hai bên trong năm 2018, Tổng cục Thủy sản xây dựng “*Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản*”. Đây là cơ sở để Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hướng dẫn Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố trong cả nước tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiểu biết pháp luật cho các tăng ni, Phật tử về công tác tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hướng tới thực hành phóng sinh các loài thủy sản một cách có hiểu biết và có trách nhiệm với môi trường sinh thái, tài nguyên thủy sinh vật.



1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tài liệu này nhằm hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quan điểm Phật giáo, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, góp phần bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

Đối tượng sử dụng tài liệu này là các tổ chức, tăng ni, Phật tử, người dân tham gia thực hiện hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản tại Việt Nam.

3. HOẠT ĐỘNG PHÓNG SINH

3.1. Phóng sinh

Phóng sinh là một nghi lễ truyền thống trong Phật giáo, chỉ về cách cứu các loài động vật như chim, thú, cá đang bị bắt nhốt, giam cầm, sắp sửa bị giết hại liền phát lòng từ bi tìm cách cứu chuộc. Chúng ta phóng sinh tức là trực tiếp giải cứu sinh mạng cho chúng sinh, giúp chúng sinh giữ lại được giá trị cao cả nhất, đáng trân quý nhất của mình là sinh mạng. Khi thực hiện việc phóng sinh, chúng ta cũng giúp chúng sinh thoát khỏi sự sợ hãi khi cận kề cái chết để được sống tự do, an vui.

3.2. Những vấn đề tồn tại trong hoạt động phóng sinh hiện nay

Phóng sinh là một nét văn hóa đẹp của người dân Việt Nam và một số nước Châu Á, tuy nhiên trong thời gian vừa qua, tại Việt Nam hoạt động phóng sinh có những tồn tại, hạn chế như:

- Phóng sinh loài ngoại lai xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại vào môi trường tự nhiên, ví dụ: rùa tai đỏ, ốc bươu vàng, cá tỳ bà..., đã gây cạnh tranh thức ăn, nơi cư trú, ăn loài bản địa, là

trung gian truyền bệnh, lai tạp với loài bản địa làm mất nguồn gen thuần chủng.

- Phóng sinh loài thủy sản vào môi trường nước không phù hợp làm cho loài được thả không sống được, ví dụ: thả cá nước ngọt xuống biển hoặc ngược lại hay thả cá vào các thủy vực đang bị ô nhiễm.

- Phóng sinh loài thủy sản có chất lượng giống thả thấp, ví dụ: thả cá bị bệnh, sắp chết sẽ gây lan truyền bệnh và ô nhiễm môi trường.

- Phóng sinh nhiều loài thủy sản với số lượng lớn vào ao, hồ nhỏ, ví dụ: thả ở ao, hồ tại chùa có quá nhiều loài cá, mật độ cao làm cho chúng không sinh trưởng được, có thể chết vì thiếu ôxy.

- Phóng sinh các loài thủy sản với tỷ lệ không phù hợp sẽ gây mất cân bằng sinh thái tự nhiên, ví dụ: cá rô phi quá nhiều ở các thủy vực tự nhiên cạnh tranh nơi ở và thức ăn với các loài bản địa.

- Phương pháp vận chuyển và phóng sinh loài thủy sản không đúng, thời điểm thả không phù hợp có thể gây chết hoặc làm giảm sức sống của loài thủy sản, ví dụ: vận chuyển mật độ quá cao, phương tiện và kỹ thuật vận chuyển không đảm bảo, thả cá từ trên cao xuống mặt nước, thời điểm thả quá nóng hoặc quá lạnh.

3.3. Phóng sinh đúng cách theo quan điểm Phật giáo và tái tạo nguồn lợi thủy sản trong tự nhiên

Phóng sinh phải phát xuất từ lòng từ bi, không vì ý nghĩa tư lợi (như cầu sống thọ, cầu may mắn, giải trừ tật bệnh, cầu siêu...).

Phóng sinh bằng cái tâm, chẳng cần được ai biết đến, đừng theo phong trào, chạy theo chữ danh, muốn cho mọi người thấy để khen ngợi, để được tiếng tăm.

Phóng sinh là tự do, không phân biệt số lượng ít nhiều, lớn nhỏ, đắt rẻ vì chúng sinh đều bình đẳng, không chọn ngày giờ tốt xấu, không nên chờ dịp này hay dịp khác.

Sau khi mua con vật để phóng sinh thì thả ngay càng nhanh càng tốt để chúng trở về môi trường sống tự nhiên, tự do thoải mái.

Khi phóng sinh cần quan tâm đến môi trường sống của loài, thả chúng về đúng môi trường sống tự nhiên, không nên mua giống cá sông thả ra biển hay thả cá biển vào sông, không thả vào môi trường khó sinh tồn hay làm hại các sinh vật khác....

Phóng sinh với số lượng phù hợp, đảm bảo chất lượng, vận chuyển và thả đúng cách để đảm bảo tỷ lệ sống cao nhất.

Không phóng sinh các loài thủy sản ngoại lai xâm hại, có nguy cơ xâm hại theo quy định của pháp luật. Khuyến khích thả các loài thủy sản bản địa, nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo đảm cân bằng sinh thái trong các thủy vực tự nhiên.





4. NHỮNG LƯU Ý KHI PHÓNG SINH CÁC LOÀI THỦY SẢN

4.1. Loài thả phóng sinh

4.1.1. Loài thủy sản không được thả phóng sinh

Trên thực tế, theo giáo lý Phật giáo thì việc thả loài này mà tác động xấu đến loài khác, thậm chí có thể gây tuyệt chủng loài khác thì cũng không tốt. Quy định của pháp luật về đa dạng sinh học cũng cấm phát triển, phát tán những loài ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại vào môi trường tự nhiên. Danh mục loài ngoại lai xâm hại và Danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại được quy định tại Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do vậy, khi thả phóng sinh loài thủy sản thì không phóng sinh các loài có tên trong các danh mục sau đây:



**Bảng 1: DANH MỤC MỘT SỐ LOÀI
THỦY SẢN NGOẠI LAI XÂM HẠI**

(Theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên tiếng Việt	Tên Khoa học
1	Ốc bươu vàng	<i>Pomacea canaliculata</i>
2	Ốc sên châu Phi	<i>Achatina fulica</i>
3	Tôm càng đỏ	<i>Cherax quadricarinatus</i>
4	Cá ăn muỗi	<i>Gambusia affinis</i>
5	Cá tỳ bà bé (cá dọn bể bé)	<i>Hypostomus plecostomus</i>
6	Cá tỳ bà lớn (cá dọn bể lớn)	<i>Pterygoplichthys pardalis</i> <i>Pterygoplichthys multiradiatus</i> <i>Pterygoplichthys disjunctivus</i> <i>Pterygoplichthys anisitsi</i>
7	Rùa tai đỏ	<i>Trachemys scripta</i>

Khi thấy những loài thủy sản trong Danh mục nêu trên, tăng ni, phật tử, người dân cần thông báo cho cơ quan quản lý thủy sản hoặc chính quyền địa phương để có biện pháp nuôi dưỡng, khoanh vùng cách ly, xử lý để tránh phát tán ra môi trường tự nhiên.



**Bảng 2: DANH MỤC MỘT SỐ LOÀI
THỦY SẢN NGOẠI LAI CÓ NGUY CƠ XÂM HẠI**

(Theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Cua xanh (cua ven bờ châu Âu)	<i>Carcinus maenas</i>
2	Sao biển Nam Thái Bình Dương	<i>Asterias amurensis</i>
3	Sên sỏi tía	<i>Euglandina rosea</i>
4	Tôm hùm nước ngọt	<i>Procambarus clarkii</i>
5	Trai Địa Trung Hải	<i>Mytilus galloprovincialis</i>
6	Trai Trung Hoa	<i>Potamocorbula amurensis</i>
7	Trai vằn	<i>Dreissena polymorpha</i>
8	Cá chim trắng toàn thân	<i>Piaractus brachipomus</i> (<i>Colossoma brachypomum</i>)
9	Cá hổ	<i>Pygocentrus nattereri</i>
10	Cá hồi nâu	<i>Salmo trutta</i>
11	Cá hoàng đế	<i>Cichla ocellaris</i>
12	Cá rô phi đen	<i>Oreochromis mossambicus</i>
13	Cá trê phi	<i>Clarias gariepinus</i>
14	Cá vược miệng bé	<i>Micropterus dolomieu</i>
15	Cá vược miệng rộng	<i>Micropterus salmoides</i>
16	Cá vược sông Nile	<i>Lates niloticus</i>

Ghi chú: Hình ảnh, mô tả chi tiết các loài thủy sản không được thả phóng sinh được trình bày trong Phụ lục 1.

4.1.2. Loài thủy sản không nên thả phóng sinh

Ngoài những loài thủy sản trong 2 Danh mục nêu trên, với những hoạt động phóng sinh có tổ chức, người thực hành phóng sinh không nên thả những loài thủy sản thuộc một trong các dạng sau:

Giống thủy sản được lai tạo, chọn giống hoặc biến đổi gen với mục đích làm cảnh, thực phẩm vì nguồn gen không còn thuần chủng.

Giống loài thủy sản nhập ngoại có khả năng tạo lập quần đàn ngoài tự nhiên với số lượng lớn, cạnh tranh mạnh mẽ về thức ăn, nơi cư trú và sinh sản của loài bản địa (ví dụ như cá rô phi vằn).

4.1.3. Loài thủy sản thả phóng sinh góp phần phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản

Hiện nay có rất nhiều loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao đã được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam và được pháp luật quy định bảo vệ. Trong số đó, có nhiều loài đã được nghiên cứu sinh sản nhân tạo thành công. Phóng sinh các loài thủy sản được sinh sản nhân tạo trong các trại sản xuất giống là đưa loài về với tự nhiên, góp phần phục hồi, tái tạo, phát triển quần đàn và giảm nguy cơ tuyệt chủng của các loài thủy sản này trong tự nhiên.

Phụ lục 2 của tài liệu này đề xuất Danh mục một số loài thủy sản truyền thống, loài nguy cấp, quý hiếm đã được sinh sản nhân tạo thành công. Các loài này khi được phóng sinh vào thủy vực sẽ góp phần phục hồi, tạo nguồn lợi thủy sản trong tự nhiên.



Tuy nhiên, với mỗi vùng, miền khác nhau lại có những loài thủy sản bản địa, thích hợp với môi trường sống tại vùng, miền đó, đồng thời phụ thuộc vào từng thời kỳ khác nhau mà tính nguy cấp của loài thủy sản cũng khác nhau. Do đó, với những hoạt động phóng sinh có tổ chức, người thực hành phóng sinh cần tham vấn ý kiến của các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực thủy sản tại địa phương để hoạt động phóng sinh không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn góp phần phục hồi, tái tạo lại quần đàn các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

4.2. Thời gian, địa điểm thả phóng sinh

4.2.1. Thời gian phóng sinh

Hoạt động phóng sinh có thể thực hiện quanh năm nhưng cần chọn thời điểm thả lúc thời tiết mát, tránh thả lúc giữa trưa mùa hè oi bức hoặc mùa đông giá lạnh có thể gây sốc đối với loài thủy sản phóng sinh.

4.2.2. Địa điểm phóng sinh

Phóng sinh loài thủy sản vào các thủy vực có điều kiện phù hợp với đặc điểm sinh học của loài được thả. Ví dụ: cá nước ngọt thì phải thả ở sông, hồ; cá biển thì phải thả ở biển.

Phóng sinh loài thủy sản vào các thủy vực rộng lớn, không khép kín như sông, hồ chứa nối với sông, suối lớn, thủy vực không bị ô nhiễm.

Với các hoạt động phóng sinh có tổ chức, quy mô lớn nên phóng sinh loài thủy sản vào những nơi mà chính quyền địa phương, cơ quan quản lý thủy sản ở địa phương khuyến khích như các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

• Không nên thả phóng sinh loài thủy sản vào những khu vực sau:

Những nơi có quy định cấm thả loài thủy sản.

Những thủy vực dùng để nuôi trồng thủy sản vì sau một thời gian loài thủy sản được phóng sinh sẽ bị bắt bán.

Những nơi có mật độ loài thủy sản quá cao như ao, hồ tại chùa vì mật độ quá cao làm loài thủy sản vừa phóng sinh và những loài đang sống ở đó có thể chết do thiếu ôxy.

Những thủy vực bị ô nhiễm hoặc không phù hợp với đặc điểm sinh học của loài được thả.

4.3. Số lượng, nguồn gốc chất lượng các loài thủy sản

4.3.1. Số lượng loài thủy sản thả phóng sinh

Phóng sinh là việc làm từ tâm, không nên phân lượng lớn - nhỏ, ít - nhiều. Tuy nhiên, cũng không nên thả với số lượng quá lớn các loài thủy sản tại cùng một thời điểm, trong cùng một thủy vực. Điều này có thể khiến loài được thả phải sống trong môi trường chật hẹp, thiếu ôxy làm giảm sức khỏe và khả năng sống.

4.3.2. Nguồn gốc, chất lượng loài thủy sản

*** Nguồn gốc:**

Phóng sinh số lượng ít, người thực hành phóng sinh có thể mua các loài thủy sản trực tiếp tại chợ. Phóng sinh có tổ chức, số lượng lớn, các loài thủy sản nên được mua tại các trung tâm giống thủy sản hoặc trại sản xuất giống thủy sản có giấy phép hoạt động.



*** Chất lượng loài thủy sản:**

Không nên phóng sinh các loài thủy sản quá yếu hoặc có dấu hiệu bệnh tật vì khi thả xuống thủy vực, loài thủy sản không những không sống được mà còn lây truyền dịch bệnh cho loài khác và khi chết sẽ gây ô nhiễm môi trường nước. Loài thủy sản được thả nên có hoạt động bình thường, phản xạ nhanh với tiếng động và không có dấu hiệu bị bệnh.

4.4. Cách vận chuyển các loài thủy sản

Với hình thức phóng sinh quy mô nhỏ với số lượng cá thể ít, nơi thả phóng sinh gần thì có thể vận chuyển loài thủy sản đến nơi thả phóng sinh bằng túi nylon nhỏ, chậu, thùng chứa nước.

Trong trường hợp phóng sinh với quy mô lớn cần chuẩn bị phương tiện vận chuyển đảm bảo để loài thủy sản có sức khỏe tốt khi được thả phóng sinh, các phương tiện và phương pháp thường dùng như sau:

4.4.1. Vận chuyển cá

a) *Vận chuyển bằng thuyền thông thủy, ghe đục*

Mật độ vận chuyển cá giống cỡ 4 - 5 gram/con: 80 - 100 kg/m³.

Mật độ vận chuyển cá lớn: 150 - 200 kg/m³.

Tốc độ vận chuyển không quá 5 km/giờ. Sau 10 - 12 giờ vận chuyển nên cho cá nghỉ 20 - 30 phút, dừng thuyền ở nơi nước thoáng, sạch.

b) *Vận chuyển hờ bằng thùng nhựa, sắt, composite*

Thùng vận chuyển có hình vuông hoặc tròn với kích thước khác nhau có nắp hoặc hở; sọt lót nylon hoặc lót bạt. Phương tiện vận chuyển có thể dùng ô tô, xe máy nhưng phải có sạc khí dùng nguồn điện pin, ắc quy.

Phương pháp này vận chuyển được nhiều, không tốn thời gian đóng cá và lợi dụng được lúc xe chạy tạo thành sóng trên tầng mặt kết hợp sục khí làm tăng hàm lượng oxy tan trong nước khi vận chuyển.

Nên vận chuyển vào thời điểm mát trong ngày (sáng sớm, chiều mát hoặc ban đêm), nếu vận chuyển khi nhiệt độ môi trường cao phải sử dụng đá lạnh để hạ nhiệt hoặc vận chuyển bằng xe lạnh.

Mật độ vận chuyển cá:

- + Cỡ cá 4 - 5 gram/con: mật độ 60 - 80 kg/m³.
- + Cỡ cá 10 - 15 gram/con: mật độ 90 - 100 kg/m³.
- + Cỡ cá 300 - 700 gram/con: mật độ 120 - 150 kg/m³.
- + Cỡ cá > 700 gram/con: mật độ 150 - 160 kg/m³.

c) Vận chuyển kín bằng túi nylon có bơm oxy

Vận chuyển kín bằng túi nylon có bơm oxy là phương pháp vận chuyển được nhiều nơi áp dụng do vận chuyển được mật độ cao, thời gian dài và tỷ lệ sống của cá cao.

Mật độ vận chuyển cá: Tùy thuộc cỡ cá, nhiệt độ nước. Với nhiệt độ nước dao động 20 - 25°C thì mật độ vận chuyển cá như sau:

- + Cá giống từ 15 - 20 con/lít.
- + Cá cỡ lớn từ 150 - 250 g/lít.

d) Vận chuyển kín bằng thùng nhựa, can nhựa có bơm oxy

Tùy theo số lượng và phương tiện vận chuyển có thể dùng can nhựa, thùng nhựa cỡ 10, 20, 50, 100 lít để vận chuyển cá giống. Bơm oxy vào can, thùng để đẩy được 1/3 lượng nước

thoát ra ngoài, sau đó tăng ôxy đến áp suất cần thiết (2 at/cm^2) và buộc chặt 2 vòi ống bằng dây cao su. Hiện nay phương pháp này đang được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Ưu điểm của phương pháp này là vận chuyển với mật độ dày, thời gian và quãng đường vận chuyển dài, tỷ lệ sống cao, giảm được sức lao động trong khi vận chuyển. Phương tiện vận chuyển cũng đa dạng, bằng xe đạp, xe máy, ô tô.

Mật độ vận chuyển cá giống là 100 - 120 con/lít ở nhiệt độ nước 25 - 30°C.

4.4.2. Vận chuyển tôm

Tùy theo kích cỡ, số lượng tôm và cự ly vận chuyển có thể dùng một trong các phương pháp vận chuyển sau: sọt lót nylon, thùng chở bằng xe đạp, xe máy, thuyền thông thủy (ghe đục), túi nylon có bơm ôxy (xem bảng sau). Tôm vận chuyển phải đảm bảo chất lượng khỏe mạnh, không bệnh tật. Cách xử lý kỹ thuật trên đường tương tự như vận chuyển cá sống.

Phương pháp vận chuyển	Lượng nước (lít)	Cỡ tôm (cm)	Mật độ (con/lít)	Số lượng (con)	Thời gian vận chuyển (giờ)	Tỷ lệ sống (%)
Sọt lót nylon	20 20	1 - 1,2 5 - 6	200 - 300 20 - 30	4.000 - 6.000 400 - 600	2 - 3 2 - 3	90 - 95 90 - 95
Thùng chở trên xe đạp, xe máy	10 10	1 - 1,2 5 - 6	200 - 300 20 - 30	2.000 - 3.000 200 - 300	2 - 3 2 - 3	85 - 90 85 - 90
Thuyền thông thủy	500	5 - 6	15 - 20	7.500 - 10.000	10 - 15	80 - 90
Túi nylon (PE) có bơm ôxy	10 10	1 - 1,2 5 - 6	300 - 400 30 - 40	3.000 - 4.000 300 - 400	10 - 15 10 - 15	90 - 95 90 - 95

4.4.3. Vận chuyển các loài trai, ốc

Khi vận chuyển các loài trai, ốc, nếu khoảng cách gần, thời gian ngắn thì không cần giữ chúng trong môi trường nước mà chỉ cần giữ cho phương tiện vận chuyển ẩm, mát như phủ bèo lên chúng.

4.5. Nghi thức phóng sinh

Nghi thức phóng sinh có lẽ quy y, sám hối cho chúng sinh, phát nguyện kết duyên lành cho chúng sinh trước khi phóng sinh nhưng chúng ta cũng không nên hình thức, tiến hành những nghi lễ rườm rà, cầu nệ. Nghi lễ cần ngắn gọn, tránh cho các sinh vật phải chịu ngột ngạt, tù túng vì bị giam cầm và có thể chết trước khi được phóng sinh.

Nghi thức phóng sinh không nên kéo dài quá 15 phút. Nếu loài thủy sản có dấu hiệu phản ứng chậm, bơi ngửa bụng thì cần thả xuống thủy vực ngay để đảm bảo khả năng sống của loài được thả.

4.6. Cách thả phóng sinh

Khi phóng sinh các loài thủy sản, thao tác thả cần nhẹ nhàng, từ từ để các loài thủy sản kịp thích ứng với môi trường mới. Không thả các loài thủy sản từ trên cao xuống hoặc tung lên cao rồi thả khiến chúng có thể bị va đập. Đối với một số trường hợp vận chuyển bằng các dụng cụ chuyên biệt, người thực hành phóng sinh nên theo hướng dẫn sau:

Đối với loài thủy sản được vận chuyển kín bằng túi nylon:

- Bước 1: Ngâm túi xuống thủy vực thả từ 5 - 10 phút để nhiệt độ nước trong túi và thủy vực không chênh lệch.

- Bước 2: Mở túi, nghiêng miệng túi cho nước bên ngoài dần hòa trộn với nước trong túi để các loài thủy sản không bị sốc và từ từ cho chúng thoát ra ngoài thủy vực.

Đối với loài thủy sản được vận chuyển bằng thùng nhựa, sắt, composite:

- Bước 1: Múc nước từ thủy vực định thả cho từ từ vào thùng chứa thủy sản đồng thời xả dần nước ở thùng chứa ra ngoài để cân bằng nhiệt độ giữa nước trong thùng chứa và nước tại thủy vực định thả.

- Bước 2: Dùng xô, chậu có chứa 1/2 đến 1/3 lượng nước để chuyển loài thủy sản từ thùng chứa thả xuống thủy vực. Nếu thùng chứa ngay cạnh thủy vực định thả, có thể dùng vợt để vớt các loài thủy sản từ thùng chứa thả ra ngoài thủy vực.

Sau khi phóng sinh loài thủy sản xong phải thu dọn túi nylon, thùng chứa, dụng cụ vận chuyển và rác thải, đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.7. An toàn giao thông đường thủy trong hoạt động phóng sinh

Khi tiến hành hoạt động phóng sinh loài thủy sản trên sông, hồ hoặc biển cần có phương tiện vận chuyển và thả loài thủy sản đảm bảo an toàn và tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy; đầy đủ các trang thiết bị như áo phao, phao cứu sinh để đảm bảo an toàn cho người .



5. VAI TRÒ CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÓNG SINH

5.1. Vai trò của cơ quan quản lý thủy sản địa phương

Khi được yêu cầu giúp đỡ, phối hợp từ các tổ chức, tăng ni, phật tử có hoạt động phóng sinh: hỗ trợ, cung cấp thông tin liên quan đến các loài thủy sản phù hợp thả phóng sinh, các loài thủy sản ưu tiên thả tái tạo nguồn lợi thủy sản của từng địa phương, vị trí - thủy vực phóng sinh, kỹ thuật vận chuyển và thả phóng sinh.

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hành phóng sinh đúng cách, tuân thủ quy định của pháp luật.

5.2. Vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các tăng ni, phật tử

5.2.1. Vai trò của Giáo hội Phật giáo

Kết hợp tuyên truyền về thực hành phóng sinh đúng cách, có trách nhiệm cho các tăng ni, phật tử trong các buổi giảng pháp.

Phối hợp với cơ quan quản lý thủy sản ở địa phương trong các hoạt động phóng sinh để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả phóng sinh.

5.2.2. Vai trò của tăng ni, phật tử

Tăng ni, phật tử thực hành phóng sinh một cách có hiểu biết, có trách nhiệm và phù hợp với các nội dung hướng dẫn trong tài liệu này.

Thông báo tới chính quyền hoặc cơ quan quản lý thủy sản ở địa phương khi phát hiện loài ngoại lai xâm hại để có biện pháp xử lý, tránh phát tán gây hại cho môi trường sinh thái.

Ghi chú: Danh sách, địa chỉ và số điện thoại các cơ quan quản lý thủy sản ở địa phương trong Phụ lục 3. Quý tăng ni, phật tử có thể liên hệ để nghị hỗ trợ khi cần thiết.





PHỤ LỤC 1. TÁC HẠI CỦA MỘT SỐ LOÀI THỦY SẢN KHÔNG ĐƯỢC THẢ PHÓNG SINH

1. Ốc bươu vàng (*Pomacea canaliculata*)

Tác hại: Ốc bươu vàng phân bố rộng ở 63 tỉnh, thành phố tại Việt Nam. Thức ăn là các vụn hữu cơ, ăn thủy sinh mềm, phần non của thực vật. Ốc bươu vàng sinh sản nhanh, cắn hại lúa, phá hủy mùa màng, gây thiệt hại lớn cho người dân.



Hình 1. Ốc bươu vàng

2. Ốc sên châu Phi (*Lissachatina (Achatina) fulica*)



Hình 2. Ốc sên châu Phi

Tác hại: Ốc sên châu Phi được coi là một trong những loài ốc cạn gây hại nghiêm trọng cho cây trồng ở các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Với mật độ cao ốc sên châu Phi có thể ăn hại, phá hủy thảm thực vật.

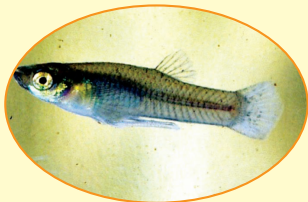
3. Tôm càng đỏ (*Cherax quadricarinatus*)



Hình 3 và 4. Tôm càng đỏ

Tác hại: Tôm càng đỏ là vật chủ của một số tác nhân gây bệnh bao gồm vi-rút, vi khuẩn, sinh vật đơn bào, nấm, ký sinh trùng đơn bào và đa bào. Tôm càng đỏ đào hang giỏi nên có thể phá hủy hệ thống kênh, mương.

4. Cá ăn muỗi (*Gambusia affinis*)



Hình 5. Cá ăn muỗi đực



Hình 6. Cá ăn muỗi cái

Tác hại: Cá ăn muỗi trưởng thành rất hung dữ, tấn công các loài cá khác, cạnh tranh và ảnh hưởng tới một số loài thủy sản bản địa. Cá ăn muỗi là vật chủ tiềm tàng của giun sán ký sinh, nguồn lây lan bệnh gây hại cho các loài cá bản địa.

5. Cá tỳ bà bé (*Hypostomus punctatus*)



Hình 7. Cá tỳ bà bé

Tên tiếng Việt khác: cá cọ bể bé, cá lau kính bé.

Tác hại: Cá tỳ bà bé là loài ăn tạp, phàm ăn, cạnh tranh thức ăn với các sinh vật bản địa, gây thay đổi chuỗi thức ăn; phát triển và thích nghi nhanh trong môi

trường làm mất cân bằng sinh thái, thay đổi cấu trúc thành phần loài của hệ sinh thái. Loài này có thể tiếp cận loài cá khác hút chất nhầy trên da khiến các loài cá khác bị chết.

6. Cá tỳ bà lớn (*Pterygoplichthys pardalis*)

Tác hại: Làm thay đổi chuỗi thức ăn của nhiều loài thủy sinh vật, cạnh tranh thức ăn, nơi sinh sống của các loài bản địa, làm thay đổi các khu hệ động, thực vật thủy sinh.



Hình 8. Cá tỳ bà lớn

7. Rùa tai đỏ (*Trachemys scripta subsp. elegans*)

Tác hại: Rùa tai đỏ cạnh tranh thức ăn, nơi đẻ trứng, nơi sưởi nắng với các loài bản địa khác và khá hung dữ, tác động đến nguy cơ tuyệt chủng của các loài rùa bản địa.



Hình 9. Rùa tai đỏ

Rùa tai đỏ mang theo mầm bệnh giun tròn, việc thả rùa tai đỏ vào các hệ sinh thái tự nhiên đã làm tăng khả năng truyền bệnh tới các loài bản địa.

8. Cua xanh (cua ven bờ châu Âu) (*Carcinus maenas*)



Hình 10. Cua xanh (cua ven bờ châu Âu)

Tác hại: Cua xanh (cua ven bờ châu Âu) là loài phàm ăn, có thể nghiền nát động vật thân mềm, cạnh tranh nơi sống và đào hang gây ảnh hưởng tới các loài hai mảnh vỏ, động vật thân mềm và giáp xác khác, ảnh hưởng nghiêm trọng tới loài bản địa cũng như nghề nuôi trồng thủy sản nếu nó xuất hiện trong các ao nuôi.

9. Sao biển Bắc Thái Bình Dương (*Asterias amurensis*)

Tác hại: Loài này có khả năng thiết lập các quần thể lớn ở các khu vực mới, là loài gây hại nghiêm trọng của các sinh vật biển bản địa. Đây cũng được coi là loài địch hại trong nuôi trồng thủy sản.



Hình 11. Sao biển Bắc Thái Bình Dương

10. Sên sói tía (*Euglandina rosea*)

Tác hại: Loài này ảnh hưởng lớn tới hệ động vật bản địa, có khả năng lây truyền bệnh: *E. rosea* là một vật chủ trung gian của ký sinh trùng của *Angiostrongylus cantonensis*.



Hình 12. Sên sói tía

11. Tôm hùm nước ngọt (*Procambarus clarkii*)

Tác hại: Tôm hùm nước ngọt là một loài xâm hại nguy hiểm, chúng có thể nhanh chóng thiết lập quần đàn trở thành một loài chính trong hệ sinh thái mà nó sinh sống. Nó tác động nghiêm trọng đến tôm càng bản địa; làm hỏng hệ thống tưới tiêu nông nghiệp, làm suy giảm quần thể động vật không xương sống, động vật thân mềm và động vật lưỡng cư thông qua việc săn mồi và cạnh tranh.



Hình 13. Tôm hùm nước ngọt

12. Trai Địa Trung Hải (*Mytilus galloprovincialis*)

Trai Địa Trung Hải có thể khả năng phát triển vượt trội và có thể thay thế trai bản địa tại nhiều địa phương.



Hình 14. Trai Địa Trung Hải

13. Trai Trung Hoa (*Potamocorbula amurensis*)

Tác hại: Trai Trung Hoa tiêu thụ một lượng lớn thực vật phù du, dẫn đến nhiều loài sinh vật đáy không có đủ thức ăn để tăng trưởng. Chúng chiếm ưu thế ở khu vực phân bố, làm giảm không gian cho các loài khác phát triển và sinh sản.



Hình 15. Trai Trung Hoa

14. Trai vằn (*Dreissena polymorpha*)

Tác hại: Trai vằn là loài xâm hại nước ngọt nguy hiểm, quần thể trai vằn có thể phát triển nhanh chóng và tổng sinh khối của một quần thể có thể vượt quá 10 lần so với tất cả các động vật không xương sống đáy khác, cạnh tranh thức ăn và làm tuyệt chủng một số loài bản địa. Trai vằn có thể gây tắc nghẽn đường ống dẫn nước, thân tàu, công trình hàng hải và lồng nuôi trồng thủy sản; làm giảm sản lượng khai thác thủy sản.



Hình 16. Trai vằn

15. Cá chim trắng toàn thân (*Piaractus brachipomus* (*Colossoma brachypomum*))

Tác hại: Cá chim trắng với tập tính ăn tạp, phàm ăn, săn mồi theo bầy nên có khả năng cạnh tranh nơi ở và thức ăn của các loài bản địa.



Hình 17. Cá chim trắng toàn thân

16. Cá hổ (*Pygocentrus nattereri*)

Tác hại: Cá hổ cạnh tranh về thức ăn và nơi ở, tiêu diệt các loài cá bản địa, làm thay đổi cấu trúc thành phần loài của hệ sinh thái.



Hình 18. Cá hổ

17. Cá hồi nâu (*Salmo trutta*)

Tác hại: Cá hồi nâu có liên quan đến việc giảm quần thể cá bản địa (đặc biệt là các loài cá hồi khác) thông qua việc săn mồi, di chuyển và cạnh tranh thức ăn. Cá hồi nâu là một trong số ít các loài ngoại lai có thể lai với loài bản địa làm biến đổi nguồn gen.



Hình 19. Cá hồi nâu

18. Cá hoàng đế (*Cichla ocellaris*)

Tác hại: Cá tấn công con mồi nhanh, gọn, có thể cạnh tranh, gây suy giảm số lượng một số loài bản địa.



Hình 20. Cá hoàng đế

19. Cá rô phi đen (*Oreochromis mossambicus*)

Tác hại: Cá rô phi đen rất dễ sinh sản trong điều kiện tự nhiên với tuổi và kích thước thành thục nhỏ nên khả năng phát tán rất lớn. Cá rô phi đen được ghi nhận là loài ngoại lai xâm hại, cạnh tranh hoặc ăn thịt các loài bản địa.



Hình 21. Cá rô phi đen
(Nguồn: Nguyễn Đình Tạo)

20. Cá trê phi (*Clarias gariepinus*)

Tác hại: Loài này có thể lai tạp với các loài cá trê bản địa gây ảnh hưởng đến nghề nuôi cá truyền thống, ảnh hưởng đến nguồn gen cá trê bản địa.



Hình 22. Cá trê phi

21. Cá vược miệng bé (*Micropterus dolomieu*)

Tác hại: Cá vược miệng bé ăn tạp, hung dữ, gây tác động không tốt đến các loài thủy sinh vật, các loài cá khác và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học ở nơi loài này sinh sống.



Hình 23. Cá vược miệng bé

22. Cá vược miệng rộng (*Micropterus salmoides*)

Tác hại: Cá vược miệng rộng ảnh hưởng đến quần thể của các loài cá nhỏ bản địa, có thể dẫn đến sự suy giảm hoặc tuyệt chủng những loài đó.



Hình 24. Cá vược miệng rộng

23. Cá vược sông Nile (*Lates niloticus*)

Tác hại: Cá vược sông Nile thông qua việc săn mồi và cạnh tranh thức ăn có thể là nguyên nhân gây ra sự suy giảm và sự biến mất của khoảng hơn hai trăm loài cá vược đặc hữu ở hồ Victoria, châu Phi.



Hình 25. Cá vược sông Nile



PHỤ LỤC 2. DANH MỤC MỘT SỐ LOÀI THỦY SẢN THẢ TÁI TẠO NGUỒN LỢI THỦY SẢN

STT	Tên loài	Tên Khoa học	Phân bố tại Việt Nam
I	Cá nước ngọt		
1	Bống tượng	<i>Oxyeleotris marmorata</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
2	Lóc bông	<i>Channa micropeltes</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
3	Mè hoa	<i>Hypophthalmichthys nobilis</i>	Các tỉnh thành cả nước
4	Mè trắng	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>	Các tỉnh thành cả nước
5	Mè Vinh	<i>Barbonymus gonionotus</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
6	Trôi Mrigal	<i>Cirrhinus mrigala</i>	Các tỉnh thành cả nước
7	Rô đồng	<i>Anabas testudineus</i>	Các tỉnh thành cả nước
9	Trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idella</i>	Các tỉnh thành cả nước
10	Trắm đen	<i>Mylopharyngodon piceus</i>	Các tỉnh thành cả nước
11	Trôi Việt	<i>Cirrhinus cirrhosus</i>	Các tỉnh miền Bắc
13	Lăng chấm	<i>Hemigabrus guttatus</i>	Các tỉnh miền Bắc



Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Tên loài	Tên Khoa học	Phân bố tại Việt Nam
14	Chiên	<i>Bagarius yarrelli</i>	Các tỉnh miền Bắc
15	Bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>	Các tỉnh miền Bắc
16	Rầm xanh	<i>Bangana lemasoni</i>	Các tỉnh miền Bắc
17	Anh Vũ	<i>Semilabeo notabilis</i>	Các tỉnh miền Bắc
18	Chày đất	<i>Spinibarbus caldwelli</i>	Các tỉnh miền Bắc
19	Tra	<i>Pangasius hypophthalmus</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
20	Hồ	<i>Catlocarpio siamensis</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
21	Trà sóc	<i>Probarbus jullieni</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
22	Còm	<i>Chitala ornata</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
23	Lăng đuôi đỏ	<i>Hemibagrus microphthalmus</i>	Đồng bằng sông Cửu Long, lưu vực sông Mê Kông
26	Chạch sông	<i>Mastacembelus armatus</i>	Các tỉnh miền Bắc
II Cá biển			
27	Chim vây vàng	<i>Trachinotus blochii</i>	Khu vực biển Đông
28	Song chấm nâu	<i>Epinephelus coioides</i>	Các tỉnh ven biển miền Bắc đến Bắc Trung Bộ Việt Nam

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Tên loài	Tên Khoa học	Phân bố tại Việt Nam
29	Giò	<i>Rachycentron canadum</i>	Vịnh Bắc Bộ
30	Mú đen chấm đỏ	<i>Epinephelus akaara</i>	Vịnh Bắc Bộ
31	Song chuột (Mú chuột)	<i>Cromileptes altivelis</i>	Vịnh Bắc Bộ
32	Chēm	<i>Lates calcarifer</i>	Vịnh Bắc Bộ
33	Bống bớp	<i>Bostrychus sinensis</i>	Ven biển và cửa sông vịnh Bắc Bộ
III Giống loài giáp xác			
34	Tôm càng xanh	<i>Macrobrachium rosenbergii</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
35	Tôm sú	<i>Penaeus monodon</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam
36	Cua biển	<i>Scylla serrata</i>	Ven biển Việt Nam
IV Nhuyễn thể			
37	Tu hài	<i>Lutraria philippinarum</i>	Các tỉnh ven biển miền Bắc
38	Ngao	<i>Meretrix meretrix</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam
39	Hàu	<i>Crassostrea ariakensis</i> <i>Crassostrea gigas</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam
40	Sò huyết	<i>Anadara granosa</i>	Các tỉnh ven biển Việt Nam
41	Ốc hương	<i>Babylonia areolata</i>	Các tỉnh ven biển miền Trung và miền Nam Việt Nam



PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN Ở ĐỊA PHƯƠNG

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
1	An Giang	Chi cục Thủy sản	Số 62 Phạm Hồng Thái, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	0296. 384 0701
2	Bà Rịa Vũng Tàu	Chi cục Thủy sản	Số 331 Trần Xuân Độ, phường Phước Trung, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	0254. 371 7231
3	Bạc Liêu	Chi cục Thủy sản	Số 11/1 Võ Thị Sáu, phường 7, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	0291. 394 9979
4	Bắc Giang	Chi cục Thủy sản	Tầng 8 nhà A, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0209. 382 4699
5	Bắc Kạn	Chi cục Chăn nuôi Thú y	Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	0209. 381 1165
6	Bắc Ninh	Chi cục Thủy sản	Km 2, đường Trần Hưng Đạo, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0222. 385 6177
7	Bến Tre	Chi cục Thủy sản	Số 87 đường 30/4, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	0275. 381 3128
8	Bình Dương	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Số 60 Lê Thị Trung, Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0274. 381 5222

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
9	Bình Định	Chi cục Thủy sản	Số 110 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256. 389 1011
10	Bình Phước	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Đường Tôn Đức Thắng, khu phố Tân Trà, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	0271. 370 0234
11	Bình Thuận	Chi cục Thủy sản	Số 380 Thủ Khoa Huân, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	0252. 381 3486
12	Cà Mau	Chi cục Thủy sản	Số 20A Nguyễn Tất Thành, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0290. 383 1730
13	Cao Bằng	Phòng Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	0206. 385 3281
14	Cần Thơ	Chi cục Thủy sản	Số 189 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0292. 381 0763
15	Đà Nẵng	Chi cục Thủy sản	Số 43 - 45 Thanh Sơn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	0236. 353 0690
16	Đắk Lắk	Chi cục Thủy sản	Tầng 4 tòa nhà Viettel, số 48 Lý Tự Trọng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0262. 395 8209

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
17	Đắk Nông	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	0261. 354 9268
18	Điện Biên	Trung tâm Thủy sản	Phố 17, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	0215. 381 0138
19	Đồng Nai	Chi cục Thủy sản	Đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251. 887 8278
20	Đồng Tháp	Chi cục Thủy sản	Số 535 quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0277. 385 8523
21	Gia Lai	Phòng Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 24 Quang Trung, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	0269. 382 8588
22	Hà Giang	Trung tâm Thủy sản	Km 13, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	0219. 382 9333
23	Hà Nam	Phòng Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	0226. 385 4240
24	Hà Nội	Chi cục Thủy sản	Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	0243. 688 4464

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
25	Hà Tĩnh	Chi cục Thủy sản	Số 137 Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239. 369 3156
26	Hải Dương	Chi cục Thủy sản	Số 113 Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0220. 384 2858
27	Hải Phòng	Chi cục Thủy sản	Số 17 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0225. 355 1111
28	Hậu Giang	Chi cục Thủy sản	Số 5 đường Xô Viết Nghệ tỉnh, khu vực 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	0293. 387 8921
29	Hòa Bình	Chi cục Thủy sản	Tổ 13B phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	0218. 389 6228
30	Hưng Yên	Chi cục Thủy sản	Số 1 đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	0221. 356 8778
31	Kiên Giang	Chi cục Thủy sản	Số 2 Huỳnh Tịnh Của, phường Vĩnh Thanh Vân, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	0297. 386 3470
32	Kon Tum	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Số 462 Đào Duy Từ, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0260. 386 1164

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
33	Khánh Hòa	Chi cục Thủy sản	Số 1242 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258. 381 0087
34	Lai Châu	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Tầng 3, tòa 2 khu liên hợp khối sự nghiệp, tổ 24 phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	0213. 379 0019
35	Lạng Sơn	Trung tâm Thủy sản	Thôn Bản Ngà, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	0205. 371 1229
36	Lào Cai	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	Nhà 2 trụ sở khối 8, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0214. 382 4690
37	Lâm Đồng	Chi cục Chăn nuôi Thú y, Thủy sản	Tầng 4 khu D, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263. 357 7146 0263. 354 9553
38	Long An	Chi cục Thủy sản	Số 29, quốc lộ 62, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An	0272. 382 4336
39	Nam Định	Chi cục Thủy sản	Số 141 Đặng Xuân Bảng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0228. 385 9250

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
40	Ninh Bình	Chi cục Thủy sản	Đường Lê Hồng Phong, phường Đồng Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	0229. 387 3760
41	Ninh Thuận	Chi cục Thủy sản	Số 38, đường Hải Thượng Lân Ông, phường Đồng Hải, Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0259. 383 0632
42	Nghệ An	Chi cục Thủy sản	Số 80 Ngô Sỹ Liên, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238. 383 5278
43	Phú Thọ	Chi cục Thủy sản	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	0210. 382 5700
44	Phú Yên	Chi cục Thủy sản	Số 1 Lý Tự Trọng, phường 7, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	0257. 381 8622
45	Quảng Bình	Chi cục Thủy sản	Số 03 Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	0232. 382 4028
46	Quảng Nam	Chi cục Thủy sản	Số 1 Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0235. 383 8900
47	Quảng Ninh	Chi cục Thủy sản	Cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203. 383 5662

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
48	Quảng Ngãi	Chi cục Thủy sản	Số 41 Phạm Văn Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0255. 371 5417
49	Quảng Trị	Chi cục Thủy sản	Số 270 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0233. 370 0005
50	Sóc Trăng	Chi cục Thủy sản	Số 10 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	0299. 382 1635
51	Sơn La	Chi cục Thủy sản	Tổ 6, phường Chiềng Lể, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La	0212. 375 1070
52	Tây Ninh	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Số 21 đường Phan Chu Trinh, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	0276. 363 1314
53	Tiền Giang	Chi cục Thủy sản	Số 68 Phan Thanh Giản, phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0273. 387 2862
54	Tp. Hồ Chí Minh	Chi cục Thủy sản	Số 126GH Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	0208. 399 01598
55	Tuyên Quang	Chi cục Thủy sản	Số 18 phố Lý Thánh Tông, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	0207. 382 2458

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động phóng sinh các giống loài thủy sản

STT	Địa phương	Cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại
56	Thái Bình	Chi cục Thủy sản	Số 2 Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	0227. 373 3470
57	Thái Nguyên	Chi cục Thủy sản	Trụ sở đa Trung tâm, tổ 25 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0208. 365 1467
58	Thanh Hóa	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Số 49 đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0237. 385 2895
59	Thừa Thiên Huế	Chi cục Thủy sản	Số 148 Bùi Thị Xuân, phường Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0234. 382 5552
60	Trà Vinh	Chi cục Thủy sản	Số 272 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	0294. 385 2514
61	Vĩnh Long	Chi cục Thủy sản	Số 1B Nguyễn Trung Trực, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	0270. 382 1702
62	Vĩnh Phúc	Chi cục Thủy sản	Đường Trần Đại Nghĩa, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211. 384 6072 0211. 384 6070
63	Yên Bái	Chi cục Thủy sản	Tổ 16, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	0216. 388 5155

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN
HOẠT ĐỘNG PHÓNG SINH CÁC GIỐNG LOÀI THỦY SẢN**



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

TS. LÊ LÂN

Biên tập: PHẠM THANH THỦY

Trình bày, bìa: VŨ HẢI YẾN

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

167/6 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: (024) 38524505, (024) 38523887 - Fax: (024) 35760748

Website: <http://www.nxbnongnghiep.com.vn>

E-mail: nxbnn@yahoo.com.vn

thuymb01273867979@yahoo.com

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38299521, (028) 38297157 - Fax: (028) 39101036

In 1.000 bản khổ 14,5 × 20,5cm tại Công ty cổ phần In sao Việt.
Địa chỉ: Số 9/40 phố Ngụy Như Kon Tum - Thanh Xuân - Hà Nội.

Đăng ký KHXB số 4816-2018/CXBIPH/3-293/NN

Cục Xuất bản cấp ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Quyết định XB số: 139/QĐ-NXBNN ngày 29/12/2018.

ISBN: 978-604-60-2691-4

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2018.

